

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 19/5/2022 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội**

Thực hiện Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 19/5/2022 của Chính phủ về giao chỉ tiêu phát triển đối tượng gia bảo hiểm xã hội (BHXH), Kế hoạch số 1813/KH-BHXH ngày 06/7/2022 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về triển khai thực hiện công tác khai thác, phát triển người tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT) giai đoạn 2022-2025; Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 19/5/2022 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (Kế hoạch), cụ thể như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

Xây dựng các giải pháp, nhiệm vụ cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân, nhằm tăng nhanh và bền vững số người tham gia BHXH, ổn định chính sách an sinh xã hội trên địa bàn, tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, người sử dụng lao động, người lao động và Nhân dân trong nhiệm vụ thực hiện chính sách BHXH trên địa bàn tỉnh, qua đó đạt được các chỉ tiêu tại Nghị quyết số 28-NQ-TW ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách BHXH.

Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các tổ chức và của người dân về trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi khi tham gia BHXH hướng tới mục tiêu BHXH cho mọi người lao động.

Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; phát huy vai trò của các cấp chính quyền cơ sở trong triển khai, tổ chức thực hiện công tác vận động, khai thác, phát triển người tham gia BHXH.

### **2. Yêu cầu**

Xác định rõ nhiệm vụ cụ thể của các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, đặc biệt là người đứng đầu ngành BHXH tỉnh, BHXH các huyện trong việc phối hợp thực hiện vận động người tham gia BHXH trên địa bàn tỉnh.

Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ phải cụ thể, có tính thống nhất, đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

## II. DỰ KIẾN CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU PHÁT TRIỂN NGƯỜI THAM GIA BHXH; NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

### 1. Chỉ tiêu phát triển người tham gia BHXH

- Năm 2022:

+ Số người tham gia BHXH là 34.207 người, đạt 8,8% so với lực lượng lao động trong độ tuổi.

+ Số người tham gia BHTN là 28.656 người, đạt 7,4% so với lực lượng lao động trong độ tuổi.

+ Số người tham gia BHXH tự nguyện là 21.792 người, đạt 5,63% so với lực lượng lao động trong độ tuổi.

- Năm 2023:

+ Số người tham gia BHXH là 35.774 người, đạt 8,9% so với lực lượng lao động trong độ tuổi.

+ Số người tham gia BHTN là 30.242 người, đạt 7,5% so với lực lượng lao động trong độ tuổi.

+ Số người tham gia BHXH tự nguyện là 28.329 người, đạt 7,07% so với lực lượng lao động trong độ tuổi.

- Năm 2024:

+ Số người tham gia BHXH là 37.179 người, đạt 8,95% so với lực lượng lao động trong độ tuổi.

+ Số người tham gia BHTN là 31.663 người, đạt 7,6% so với lực lượng lao động trong độ tuổi.

+ Số người tham gia BHXH tự nguyện là 36.828 người, đạt 8,87% so với lực lượng lao động trong độ tuổi.

- Năm 2025:

+ Số người tham gia BHXH là 38.696 người, đạt 9,0% so với lực lượng lao động trong độ tuổi.

+ Số người tham gia BHTN là 33.197 người, đạt 7,7% so với lực lượng lao động trong độ tuổi.

+ Số người tham gia BHXH tự nguyện là 47.876 người, đạt 11,12% so với lực lượng lao động trong độ tuổi.

*(Chi tiết chỉ tiêu phát triển người tham gia BHXH, BHTN, BHXH tự nguyện của các huyện, thành phố tại Phụ lục kèm theo).*

### 2. Nhiệm vụ, giải pháp

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan BHXH, Cục Thuế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có

liên quan trong việc trao đổi thông tin, dữ liệu để nắm bắt chính xác số doanh nghiệp, người lao động thuộc diện phải tham gia BHXH bắt buộc, BHTN (thất nghiệp) để yêu cầu người lao động, người sử dụng lao động tham gia đầy đủ theo quy định của pháp luật. Phân loại đối tượng tiềm năng để tiến hành tuyên truyền, vận động tham gia BHXH tự nguyện nhằm mở rộng người tham gia BHXH góp phần nâng cao tỷ lệ bao phủ BHXH trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền theo hướng thường xuyên và liên tục, đa dạng nội dung, đổi mới hình thức tuyên truyền, vận động phù hợp với từng đối tượng, địa bàn nhằm đảm bảo các đối tượng tiếp cận đầy đủ thông tin, nâng cao nhận thức của mọi người dân về ý nghĩa và tầm quan trọng của chính sách BHXH. Tập trung đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền về BHXH vào tháng 5 hàng năm (Tháng vận động triển khai BHXH toàn dân), xây dựng mạng lưới đại lý thu của Tổ chức dịch vụ thu BHXH, đảm bảo rộng khắp trên địa bàn tỉnh tạo điều kiện thuận lợi để người dân tham gia.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đặc biệt là thanh tra chuyên ngành BHXH, việc thực hiện chế độ, chính sách BHXH bắt buộc, BHTN tại các doanh nghiệp, thực hiện nghiêm các biện pháp xử phạt theo quy định, xử lý các cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật về BHXH, BHTN.

- Tăng cường công tác phối hợp của các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động trong việc thu hồi số tiền hưởng BHXH, BHTN sai quy định của người lao động.

- Tăng cường công tác đối thoại doanh nghiệp; yêu cầu doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm tham gia BHXH bắt buộc, BHTN cho người lao động; thống kê, rà soát số lao động làm việc tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ gia đình và lao động làm việc trong khu vực phi chính thức để tuyên truyền, vận động tham gia BHXH tự nguyện.

- Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cải thiện quy trình, thủ tục tham gia và thụ hưởng chính sách BHXH, BHTN, tạo điều kiện thuận lợi cho người tham gia và thụ hưởng chế độ BHXH, BHTN.

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác điều hành, quản lý BHXH.

- Tổ chức đánh giá, thực hiện việc sơ kết, tổng kết, đánh giá định kỳ trong quá trình thực hiện chính sách BHXH, BHTN trên địa bàn tỉnh.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Chủ trì, đơn đốc các địa phương, đơn vị liên quan thực hiện Kế hoạch; thực hiện công tác tổng hợp, báo cáo theo quy định.

- Tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo, quy định của Trung ương về chính sách BHXH trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm tiếp nhận và giải quyết kịp thời hồ sơ trợ cấp thất nghiệp của người lao động; kiểm tra, rà soát chặt chẽ hồ sơ hưởng, phòng chống lạm dụng, trục lợi bảo hiểm thất nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường thanh tra, kiểm tra về công tác lao động, việc làm, an toàn vệ sinh lao động, BHXH tại các doanh nghiệp, nhất là đơn vị nợ đóng BHXH. Tham mưu xử lý hoặc xử lý các trường hợp trốn đóng, nợ đóng, vi phạm chính sách pháp luật về BHXH.

- Hướng dẫn, chấn chỉnh công tác kê khai lao động tại các doanh nghiệp; yêu cầu các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện kê khai việc sử dụng lao động và tham gia BHXH, BHTN cho người lao động theo đúng quy định.

- Phối hợp với BHXH tỉnh thực hiện đối chiếu, rà soát số lao động tại các doanh nghiệp theo dữ liệu cơ quan Thuế cung cấp để phát triển đối tượng tham gia BHXH bắt buộc trên địa bàn.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án đổi mới toàn diện nội dung, hình thức và phương pháp tuyên truyền BHXH.

- Phối hợp với BHXH tỉnh thực hiện các thủ tục, hồ sơ để xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về BHXH theo quy định tại Điều 214, Điều 215, Điều 216 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐTP ngày 15/8/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao.

## **2. Bảo hiểm xã hội tỉnh**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu phát triển người tham gia BHXH, BHTN báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh giao cho từng địa phương để hoàn thành các mục tiêu đến năm 2025.

- Hàng năm, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh tham mưu UBND tỉnh giao chỉ tiêu phát triển người tham gia BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện cho từng huyện, thành phố tổ chức thực hiện.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động nghiệp vụ; liên thông, chia sẻ dữ liệu với các Sở, Ban, ngành, các đoàn thể trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên lĩnh vực BHXH, BHYT, BHTN.

- Hàng năm, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh trong việc rà soát, cập nhật danh sách các tổ chức, doanh nghiệp đang hoạt động nhưng chưa tham gia BHXH để tập trung phát triển, yêu cầu các tổ chức, doanh nghiệp tham gia BHXH cho người lao động theo quy định pháp luật.

- Phối hợp với Công an tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh và các đơn vị liên quan đôn đốc thu nợ BHXH, xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra cụ thể các đơn vị nợ đóng BHXH, BHTN để giảm tỷ lệ nợ BHXH.

- Chỉ đạo BHXH các huyện, các đơn vị trực thuộc phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp sử dụng lao động nhằm phát triển người tham gia BHXH bắt buộc, BHTN theo mục tiêu đề ra; kết nối thông tin, dữ liệu quản lý, theo dõi tình hình biến động lao động tại doanh nghiệp.

- Triển khai đồng bộ hiệu quả các hình thức thông tin, tuyên truyền về chế độ, chính sách BHXH, BHTN. Tiếp tục mở rộng mạng lưới tổ chức dịch vụ thu BHXH theo quy định của pháp luật, cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân tham gia và thụ hưởng chính sách BHXH; có giải pháp khuyến khích các địa phương vận động người dân tham gia BHXH, đặc biệt là BHXH tự nguyện đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu phát triển người tham gia BHXH hàng năm và cả giai đoạn.

**3. Sở Tài chính:** Căn cứ khả năng ngân sách và các quy định hiện hành, tham mưu cấp có thẩm quyền đảm bảo nguồn kinh phí hỗ trợ mức đóng BHXH tự nguyện cho người tham gia theo quy định.

#### **4. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Tổng hợp, tham mưu đưa chỉ tiêu BHXH, BHYT vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh.

- Phối hợp tuyên truyền chính sách, pháp luật BHXH, BHYT cho các doanh nghiệp và hướng dẫn cho các doanh nghiệp đăng ký tham gia BHXH, BHTN cho người lao động ngay từ khi doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh. Định kỳ cung cấp danh sách doanh nghiệp đăng ký hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp sáp nhập, giải thể để làm cơ sở quản lý, phát triển người tham gia BHXH, BHYT.

#### **5. Cục Thuế tỉnh**

- Phối hợp tuyên truyền chính sách, pháp luật BHXH, BHTN đối với người lao động, người sử dụng lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với cơ quan BHXH trong việc trao đổi số liệu về số lượng lao động doanh nghiệp sử dụng, mức tiền lương doanh nghiệp chi trả khai báo thuế để cơ quan BHXH tiến hành rà soát và thực hiện thu BHXH, BHTN đảm bảo quyền lợi của người lao động theo đúng quy định.

- Cung cấp dữ liệu quyết toán thuế hàng năm cho cơ quan BHXH để phối hợp khai thác đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định.

**6. Sở Thông tin và Truyền thông:** Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo các cơ quan báo chí của tỉnh, các công/trang thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị, hệ thống truyền thanh, truyền hình cấp huyện, cấp xã triển khai tuyên truyền, phổ biến các nội dung liên quan đến chính sách pháp luật BHXH, BHTN, về vai trò, trách nhiệm và lợi ích của việc tham gia BHXH, BHTN.

**7. Sở Tư pháp:** Hàng năm, tham mưu Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) tỉnh xây dựng kế hoạch quán triệt, tập huấn nội dung của văn bản pháp luật về chính sách BHXH, BHTN cho các thành viên Hội

đồng phối hợp PBGDPL tỉnh, đội ngũ Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, cán bộ làm công tác pháp chế của các Sở, Ban, ngành và Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp huyện để thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt trong cơ quan, đơn vị, địa phương và nhân dân trên địa bàn.

**8. Cục Thống kê tỉnh:** Cung cấp, chia sẻ số liệu thống kê về dân số, lực lượng lao động của tỉnh và các số liệu khác để phục vụ cho việc đánh giá tỷ lệ bao phủ BHXH trên địa bàn tỉnh.

### **9. Đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh**

- Phối hợp tuyên truyền chính sách, pháp luật BHXH, BHTN đối với người lao động, người sử dụng lao động. Vận động người sử dụng lao động, người lao động tuân thủ các quy định về BHXH, BHTN; giám sát việc tham gia BHXH, BHTN tại các doanh nghiệp và đề xuất các cơ chế, chính sách BHXH, BHTN đối với người lao động.

- Phối hợp với BHXH tỉnh thực hiện các thủ tục, hồ sơ để khởi kiện ra tòa đối với các đơn vị vi phạm pháp luật về BHXH, BHYT, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động theo quy định tại khoản 8 Điều 10 Luật Công đoàn năm 2012. Tham gia thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN.

**10. Báo Đắc Nông, Đài Phát thanh và Truyền hình Đắc Nông:** Bố trí dung lượng hợp lý, xây dựng chương trình, tin, bài, chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền các nội dung liên quan đến chính sách pháp luật về BHXH, BHTN để chuyển tải đầy đủ thông tin đến nhân dân trong toàn tỉnh.

### **11. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, hội tỉnh**

- Phối hợp với BHXH tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chính sách BHXH, vận động các hội viên, đoàn viên các cấp tích cực tham gia BHXH, đặc biệt là BHXH tự nguyện.

- Đề xuất xây dựng các chính sách liên quan tới BHXH. Giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN.

### **12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

- Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện chính sách BHXH, BHTN phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương, đơn vị, đảm bảo thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu đề ra. Xây dựng chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHTN trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

- Chỉ đạo cơ quan BHXH và các phòng, ban, UBND các xã, phường, thị trấn đẩy mạnh công tác phát triển người tham gia BHXH, BHTN; đặc biệt, tăng cường vận động người dân tham gia BHXH tự nguyện nhằm hoàn thành các chỉ tiêu được UBND tỉnh giao.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các cơ quan thông tin đại chúng, BHXH, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên

truyền, phổ biến chính sách pháp luật về BHXH cho mọi người dân trên địa bàn huyện, thành phố.

- Thực hiện đồng bộ, linh hoạt và bổ sung kịp thời các giải pháp nhằm tăng tính tuân thủ trong việc tham gia BHXH bắt buộc, BHYTN, yêu cầu doanh nghiệp tham gia BHXH bắt buộc đầy đủ nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và yêu cầu các địa phương, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ 6 tháng (trước ngày 05/7) và một năm (trước ngày 20/12) báo cáo kết quả thực hiện về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo theo quy định. /

**Nơi nhận:**

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài PT&TH Đắk Nông, Báo Đắk Nông;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, KGVX(Hp).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Trọng Yên**





Phụ lục I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC NĂM 2022, KẾ HOẠCH NĂM 2023 ĐẾN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 633, /KH-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

Stt	Đối tượng tham gia	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Ước thực hiện năm 2022	Tỷ lệ tăng, giảm năm 2022/2021	Kế hoạch năm 2023	Tỷ lệ tăng, giảm năm 2023/2022	Kế hoạch năm 2024	Tỷ lệ tăng, giảm năm 2024/2023	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ tăng, giảm năm 2025/2024
A	B	C	1	2	3(2/1)	4	5(4/2)	6	7(6/4)	8	9=(8/6)
1	Lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	Người	373.209	386.762		400.807		415.356		430.434	
2	Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	Người	32.528	34.207	5,2%	35.775	104,6%	37.179	103,9%	38.696	104,1%
Trong đó:											
-	Doanh nghiệp nhà nước	Người	4.573	5.064	110,7%	5.570	110,0%	6.126	110,0%	6.747	110,1%
-	Doanh nghiệp có vốn đầu tư NN	Người	108	120	111,1%	132	110,0%	146	110,6%	161	110,3%
-	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	Người	6.955	7.981	114,8%	8.780	110,0%	9.356	106,6%	10.171	108,7%
-	Hành chính sự nghiệp	Người	20.317	20.427	100,5%	20.616	100,9%	20.807	100,9%	20.800	100,0%
-	Các nhóm đối tượng còn lại	Người	575	615	107,0%	677	110,1%	744	109,9%	817	109,8%
3	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc so với lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	8,7%	8,8%		8,9%		8,95%		9,0%	



Phụ lục II

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN NĂM 2022,  
KẾ HOẠCH NĂM 2023 ĐẾN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 633 /KH-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

Stt	Đối tượng tham gia	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Ước thực hiện năm 2022	Tỷ lệ tăng, giảm năm 2022/2021	Kế hoạch năm 2023	Tỷ lệ tăng, giảm năm 2023/2022	Kế hoạch năm 2024	Tỷ lệ tăng, giảm năm 2023/2014	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ tăng, giảm năm 2024/2015
A	B	C	1	2	3(2/1)	4	5(4/2)	6	7(6/4)	8	9(8/6)
1	Lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	Người	373.209	386.762		400.807		415.356		430.434	
2	Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện	Người	16.140	21.792	35%	28.329	30%	36.828	30%	47.876	30%
-	Lao động hợp đồng dưới 1 tháng	Người	3.128	4.223	135%	5.491	130%	7.137	130%	9.279	130%
-	Người không chuyên trách thôn, tổ dân phố	Người	2.626	3.546	135%	4.609	130%	5.992	130%	7.789	130%
-	Người lao động tự do, tự tạo việc làm	Người	4.551	6.145	135%	7.989	130%	10.385	130%	13.501	130%
-	Người hoạt động sản xuất kinh doanh không hưởng lương	Người	5.835	7.878	135%	10.240	130%	13.314	130%	17.307	130%
3	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện so với lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	4,32%	5,63%		7,07%		8,87%		11,12%	



**Phụ lục III**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP NĂM 2022,**  
**KẾ HOẠCH NĂM 2023 ĐẾN 2025**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số **633** -/KH-UBND ngày **31** /10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

Stt	Đối tượng tham gia	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Ước thực hiện năm 2022	Tỷ lệ tăng, giảm năm 2022/2021	Kế hoạch năm 2023	Tỷ lệ tăng, giảm năm 2023/2022	Kế hoạch năm 2024	Tỷ lệ tăng, giảm năm 2023/2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ tăng, giảm năm 2024/2025
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3(2/1)</i>	<i>4</i>	<i>5(4/2)</i>	<i>6</i>	<i>7(6/4)</i>	<i>8</i>	<i>9(8/6)</i>
1	Lực lượng lao động	Người	373.209	386.762		400.807		415.356		430.434	
2	Số lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp	Người	26.960	28.656		30.242		31.663		33.197	
Trong đó:											
-	Doanh nghiệp nhà nước	Người	4.573	5.064	110,7%	5.608	110,7%	6.188	110,3%	6.828	110,3%
-	Doanh nghiệp có vốn đầu tư NN	Người	108	120	111,1%	133	111,1%	148	111,0%	164	110,8%
-	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	Người	6.955	7.981	114,8%	8.839	110,8%	9.490	107,4%	10.188	107,4%
-	Hành chính sự nghiệp	Người	14.749	14.876	100,9%	15.004	100,9%	15.133	100,9%	15.263	100,9%
-	Các nhóm đối tượng còn lại	Người	575	615	107,0%	658	107,0%	704	107,0%	754	107,1%
3	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp so với lực lượng lao động	%	7,2%	7,4%		7,5%		7,6%		7,7%	

(Chữ ký và đóng dấu)

**Phụ lục IV**  
**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NGƯỜI THAM GIA BHXH, BHTN NĂM 2023**  
 (kèm theo Kế hoạch số 633/KH-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

Stt	Huyện, thành phố	Lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2023	Năm 2023											
			Bảo hiểm xã hội bắt buộc			Bảo hiểm thất nghiệp			Bảo hiểm xã hội tự nguyện					
			Đối tượng thuộc diện phải tham gia BHXH bắt buộc	Đối tượng tham gia BHXH bắt buộc	Tỷ lệ tham gia/số phải tham gia (%)	Đối tượng thuộc diện phải tham gia BHTN	Đối tượng tham gia BHTN	Tỷ lệ tham gia/số phải tham gia (%)	Đối tượng thuộc diện phải tham gia BHXH tự nguyện	Đối tượng tham gia BHXH tự nguyện năm 2022	Đối tượng tham gia BHXH tự nguyện năm 2023	Tỷ lệ tham gia/số phải tham gia (%)	Tăng giảm so với năm trước (người)	Tốc độ gia tăng BHXH tự nguyện năm 2023/2022
A	B	1	2	3	4 (3/2)	5	6	7 (6/5)	8=1-2	9	10	11(10/8)	12(10-9)	13(12/9)
1	Gia Nghĩa	41.315	12.964	12.043	0,93	11.025	9.723	0,88	28.351	1.992	2.590	0,091	598	30%
2	Đắk Glong	43.756	2.635	2.223	0,84	2.214	1.800	0,81	41.121	2.461	3.199	0,078	738	30%
3	Cư Jút	63.660	4.751	4.200	0,88	4.315	3.774	0,87	58.909	2.911	3.784	0,064	873	30%
4	Đắk Mil	59.055	4.812	4.188	0,87	4.152	3.737	0,90	54.243	3.204	4.165	0,077	961	30%
5	Krông Nô	58.327	3.412	2.919	0,86	2.986	2.361	0,79	54.915	2.645	3.438	0,063	793	30%
6	Đắk Song	48.717	3.171	2.869	0,90	2.859	2.401	0,84	45.546	3.484	4.529	0,099	1.045	30%
7	Đắk R'Lấp	55.355	5.940	5.121	0,86	5.056	4.598	0,91	49.415	3.033	3.943	0,080	910	30%
8	Tuy Đức	30.622	2.567	2.212	0,86	2.237	1.848	0,83	28.055	2.062	2.681	0,096	619	30%
<b>Tổng cộng</b>		<b>400.807</b>	<b>40.252</b>	<b>35.775</b>		<b>34.844</b>	<b>30.242</b>		<b>360.555</b>	<b>21.792</b>	<b>28.329</b>		<b>6.537</b>	<b>30%</b>
* Tỷ lệ người dân tham gia BHXH so với lực lượng lao động là 8,9%.							* Tỷ lệ người tham gia BHXH tự nguyện so với lực lượng lao động là 7,07%.							
* Tỷ lệ người dân tham gia BH thất nghiệp so với lực lượng lao động là 7,5%.														



**Phụ lục V**

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NGƯỜI THAM GIA BHXH, BHTN NĂM 2024**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 633- /KH-UBND ngày 31 /10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)*

Stt	Huyện, thành phố	Lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2024	Năm 2024												
			Bảo hiểm xã hội bắt buộc			Bảo hiểm thất nghiệp			Bảo hiểm xã hội tự nguyện						
			Đối tượng thuộc diện phải tham gia BHXH bắt buộc	Đối tượng tham gia BHXH bắt buộc	Tỷ lệ tham gia/số phải tham gia (%)	Đối tượng thuộc diện phải tham gia BHTN	Đối tượng tham gia BHTN	Tỷ lệ tham gia/số phải tham gia (%)	Đối tượng thuộc diện phải tham gia BHXH tự nguyện	Đối tượng tham gia BHXH tự nguyện năm 2023	Đối tượng tham gia BHXH tự nguyện năm 2024	Tỷ lệ tham gia/số phải tham gia (%)	Tăng giảm so với năm trước (người)	Tốc độ gia tăng BHXH tự nguyện năm 2024/2023	
A	B	1	2	3	4 (3/2)	5	6	7 (6/5)	8=1-2	9	10	11(10/8)	12(10-9)	13(12/9)	
1	Gia Nghĩa	42.815	13.612	12.606	0,93	11.576	10.209	0,88	29.203	2.590	3.367	0,12	777	30%	
1	Đắk Glong	45.344	2.767	2.330	0,84	2.325	1.890	0,81	42.577	3.199	4.159	0,10	960	30%	
2	Cư Jút	65.971	4.989	4.400	0,88	4.531	3.871	0,85	60.982	3.784	4.919	0,08	1.135	30%	
3	Đắk Mil	61.199	5.053	4.312	0,85	4.360	3.874	0,89	56.146	4.165	5.415	0,10	1.250	30%	
4	Krông Nô	60.444	3.583	3.064	0,86	3.135	2.471	0,79	56.861	3.438	4.469	0,08	1.031	30%	
5	Đắk Song	50.485	3.330	2.945	0,88	3.002	2.426	0,81	47.155	4.529	5.888	0,12	1.359	30%	
6	Đắk R'Lấp	57.364	6.237	5.211	0,84	5.309	4.810	0,91	51.127	3.943	5.126	0,10	1.183	30%	
8	Tuy Đức	31.734	3.695	2.311	0,63	2.349	2.112	0,90	28.039	2.681	3485	0,12	804	30%	
<b>Tổng cộng</b>		<b>415.356</b>	<b>43.266</b>	<b>37.179</b>	<b>-</b>	<b>36.587</b>	<b>31.663</b>		<b>372.090</b>	<b>28.329</b>	<b>36.828</b>	<b>0,10</b>	<b>8.499</b>	<b>30%</b>	
* Tỷ lệ người dân tham gia BHXH so với lực lượng lao động là 8,95%.							* Tỷ lệ người tham gia BHXH tự nguyện so với lực lượng lao động là 8,87%.								
* Tỷ lệ người dân tham gia BHTN so với lực lượng lao động là 7,6%.															



Phụ lục VI

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NGƯỜI THAM GIA BHXH, BHTN NĂM 2025**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số **633** /KH-UBND ngày **31** /10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

Stt	Huyện, thành phố	Lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2025	Năm 2025											
			Bảo hiểm xã hội bắt buộc			Bảo hiểm thất nghiệp			Bảo hiểm xã hội tự nguyện					
			Đối tượng thuộc diện phải tham gia BHXH bắt buộc	Đối tượng tham gia BHXH bắt buộc	Tỷ lệ tham gia/số phải tham gia (%)	Đối tượng thuộc diện phải tham gia BHTN	Đối tượng tham gia BHTN	Tỷ lệ tham gia/số phải tham gia (%)	Đối tượng thuộc diện phải tham gia BHXH tự nguyện	Đối tượng tham gia BHXH tự nguyện năm 2024	Đối tượng tham gia BHXH tự nguyện năm 2025	Tỷ lệ tham gia/số phải tham gia (%)	Tăng giảm so với năm trước (người)	Tốc độ gia tăng BHXH tự nguyện năm 2025/2024
A	B	I	2	3	4 (3/2)	5	6	7 (6/5)	8=I-2	9	10	11(10/8)	12(10-9)	13(12/9)
1	Gia Nghĩa	44.369	14.293	13.251	0,93	12.155	10.719	0,88	30.076	3.367	4.377	0,15	1.010	30%
2	Đắk Glong	46.990	2.905	2.447	0,84	2.441	1.980	0,81	44.085	4.159	5.407	0,12	1.248	30%
3	Cư Jút	68.366	5.238	4.545	0,87	4.758	4.065	0,85	63.128	4.919	6.395	0,10	1.476	30%
4	Đắk Mil	63.421	5.147	4.484	0,87	4.578	3.986	0,87	58.274	5.415	7.039	0,12	1.624	30%
5	Krông Nô	62.638	3.862	3.117	0,81	3.292	2.600	0,79	58.776	4.469	5.810	0,10	1.341	30%
6	Đắk Song	52.318	3.497	3.092	0,88	3.152	2.571	0,82	48.821	5.888	7.654	0,16	1.766	30%
7	Đắk R'Lấp	59.446	6.549	5.325	0,81	5.574	5.051	0,91	52.897	5.126	6.664	0,13	1.538	30%
8	Tuy Đức	32.886	3.880	2.435	0,63	2.466	2.225	0,90	29.006	3.485	4.530	0,16	1.045	30%
<b>Tổng cộng</b>		<b>430.434</b>	<b>45.371</b>	<b>38.696</b>	-	<b>38.416</b>	<b>33.197</b>		<b>385.063</b>	<b>36.828</b>	<b>47.876</b>	<b>0,12</b>	<b>11.048</b>	<b>30%</b>
* Tỷ lệ người dân tham gia BHXH so với lực lượng lao động là 9,0%.							* Tỷ lệ người tham gia BHXH tự nguyện so với lực lượng lao động là 11,12%.							
* Tỷ lệ người dân tham gia BHTN so với lực lượng lao động là 7,7%.														